

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ  
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1750 /NMĐTB2-TM

Hưng Yên, ngày 05 tháng 10 năm 2026

V/v đề nghị cung cấp báo giá vật tư, dịch vụ cải tạo các van nạp bi online hệ thống nghiền than, Chuyển đổi khớp nối mềm đường gió cấp 1 sang loại inox, khớp giãn nở đường ống than tổ máy 2, cải tạo buồng xoắn máy nghiền và chống thùng các phễu ESP.

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (Nhà máy) đang có nhu cầu mua sắm vật tư, dịch vụ cải tạo các van nạp bi online hệ thống nghiền than, Chuyển đổi khớp nối mềm đường gió cấp 1 sang loại inox, khớp giãn nở đường ống than tổ máy 2, cải tạo buồng xoắn máy nghiền và chống thùng các phễu ESP-NMND Thái Bình 2. Được biết Quý Công ty là đơn vị có năng lực, kinh nghiệm trong việc cung cấp các dịch vụ tương tự. Nhà máy đề nghị Quý Công ty quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá với nội dung cụ thể như sau:

- Phạm vi công việc: Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm;
- Thời điểm bắt đầu thực hiện công việc: Dự kiến trong Quý I năm 2027.
- Thời gian hoàn thành công việc: Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm.
- Địa điểm thực hiện dịch vụ: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên.
- Hiệu lực báo giá: **90 ngày kể từ ngày báo giá.**
- Thời gian gửi báo giá: Trước 08 giờ 00 phút ngày 16/10/2026.
- Báo giá được ký tên, đóng dấu bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Công ty.
- Phương thức gửi báo giá: Gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua các email: minhhtc@pvpqb.vn, vanthutb2@pvpqb.vn, nhanbaogia.hn@pvpqb.vn.
- Thông tin liên hệ:
  - + Người nhận: Trần Công Minh- Phòng Thương mại;
  - + Địa chỉ: Xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên;
  - + Số điện thoại liên hệ: 0979.431.697;

Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty.

Trân trọng./. 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CNPĐ DK (để b/c);
- GĐ NM (để b/c);
- Phòng: KTATMT (để p/h);
- Lưu: VT, TM (T.C.M: 01b).

**Đính kèm:**

- Phụ lục 01: Phạm vi công việc;
- Phiếu đề xuất và hồ sơ kèm theo.

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK  
KT. GIÁM ĐỐC NMND THÁI BÌNH 2  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Đinh Văn Ngọc**

Xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên  
ĐT: 02273.721.515; Fax: 02273.721.678

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice365.pvpqb.vn. Với số định danh: 3387/CV-PTM/2026



PL01:PVCV Cung cấp, lắp đặt van nạp bi online hệ thống nghiên than, Chuyển đổi khớp nối mềm đường gió cấp 1 sang loại inox, khớp giãn nở đường ống than tổ máy 2, cải tạo buồng xoắn máy nghiên và chống thùng các phễu ESP- Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (TB2026-091)

Lưu ý: Nhà cung cấp cần có số lượng tại cột "Nhu cầu mua sắm" để lập báo giá (không chào giá đối với các hạng mục có số lượng bằng 0). Giá chào yêu cầu thể hiện rõ: đơn giá trước thuế, thuế suất GTGT và tổng thành tiền sau thuế.

| STT | Mã chuẩn hóa vật tư                                                 | Tên hàng hóa/ dịch vụ                                                        | Thông số kỹ thuật/ Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Nhà sản xuất, xuất xứ | ĐVT | Khối lượng      |         |                 | Thời điểm cần sử dụng |
|-----|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----|-----------------|---------|-----------------|-----------------------|
|     |                                                                     |                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                       |     | Nhu cầu sử dụng | Tồn kho | Nhu cầu mua sắm |                       |
| I   | Chuyển đổi các khớp nối mềm đường gió cấp 1 sang loại khớp nối inox |                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                       |     |                 |         |                 |                       |
| I.1 | Vật tư                                                              |                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                       |     |                 |         |                 |                       |
| 1   |                                                                     | Khớp nối giãn nở Inox đường gió nóng PA                                      | - Giá công chế tạo khớp nối theo thông số kỹ thuật đã được phê duyệt.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Việt Nam              | Bộ  | 1               | 0       | 1               | Trước tháng 2/2027    |
| I.2 | Dịch vụ                                                             |                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                       |     |                 |         |                 |                       |
| 1   |                                                                     | Thiết kế khớp nối giãn nở bằng Inox đường gió nóng PA.<br><b>(01 vị trí)</b> | - Khảo sát, tính toán, thiết kế 01 khớp nối giãn nở bằng Inox đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.<br>+ Kích thước khớp nối dự kiến: Φ2120 x t5 x L730 mm (phần giãn nở bằng vật liệu SUS304, thân ngoài vật liệu SS400, thân phía trong Hardox500).<br>+ Phụ kiện Gu-zong: M24 x 700 (bao gồm bulong M24, long đèn, thanh ren M24).<br>+ Áp suất làm việc 11.219Kpa, nhiệt độ 379 độ C, môi trường gió nóng.<br>+ Độ giãn nở của khớp nối được tính toán phù hợp với thực tế.<br>- Lập bản vẽ chi tiết, tính toán khối lượng vật liệu, dự toán chi phí chế tạo. | Gói                   |     |                 |         | 1               | Trước tháng 2/2027    |
| II  | Chuyển đổi các khớp giãn nở đường ống than                          |                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                       |     |                 |         |                 |                       |

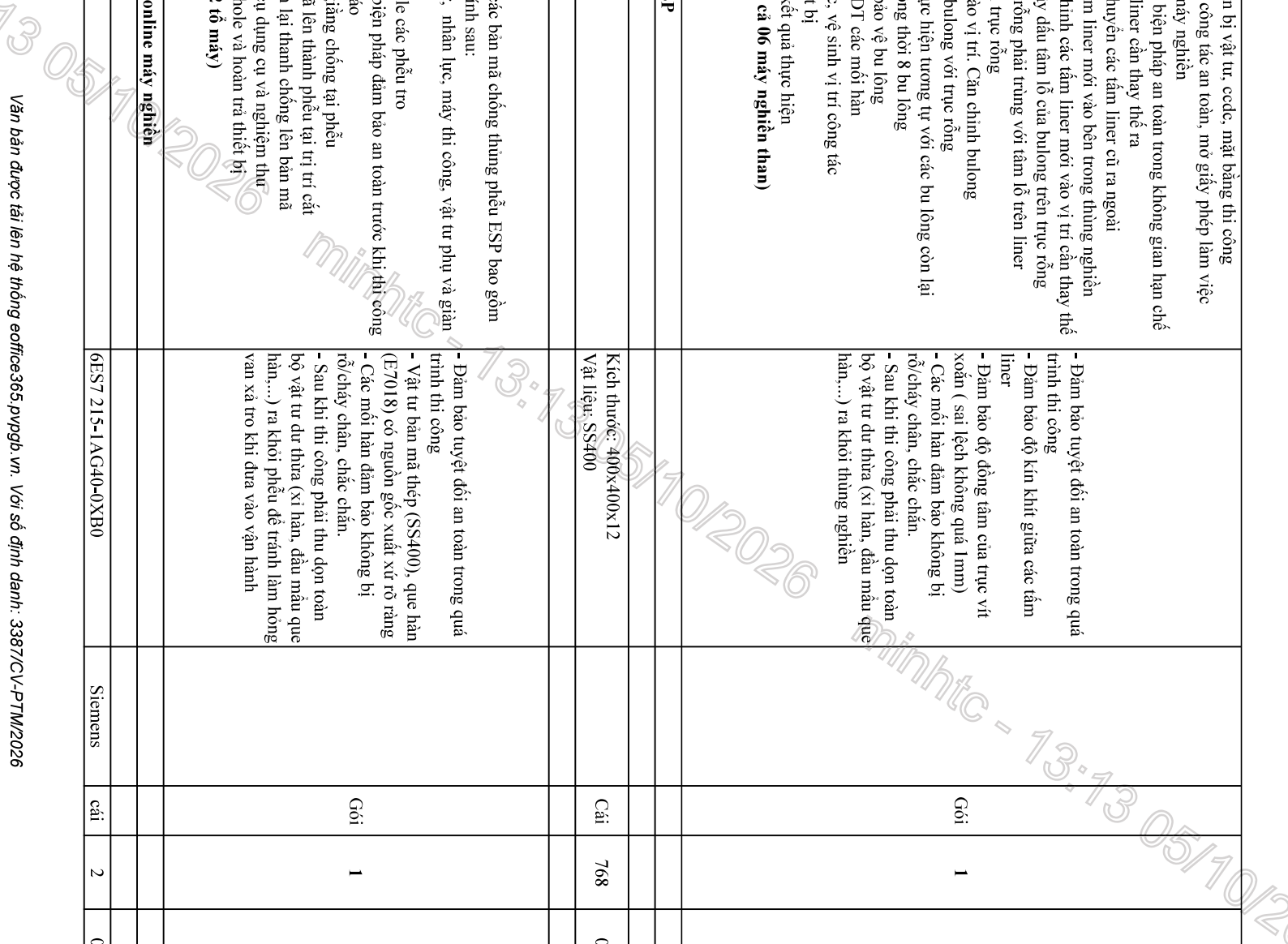


13 05/10/2026  
minhtc - 13 05/10/2026  
minhtc - 13 05/10/2026



minhtc

|       |                                                 |                                      |                                                                                                                                                                                                         |                              |         |      |     |                    |
|-------|-------------------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|---------|------|-----|--------------------|
| 1     | 48151260                                        | Khớp nối giữa nơ Inox đường ống than | -Kích thước: Ø580x10xL=230mm -<br>Vật liệu: + Thân ngoài: SUS304; +<br>Thân phía trong: Hardox; + Mặt bích:<br>SS400 (Bao gồm cả phụ kiện: Thanh<br>ren- M12x250, Nut-M12, Bolt-<br>M19x16, Washer-M19) | Việt Nam                     | Bộ 32   | 0    | 32  | Trước tháng 2/2027 |
| 2     |                                                 | Mặt bích được làm từ vật liệu thép   | Ø580 vật liệu SS400 dày 20mm x 16 lỗ                                                                                                                                                                    | Việt Nam                     | Cải 32  | 0    | 32  | Trước tháng 2/2027 |
| 3     | 43900454                                        | Bolt/nut/washer                      | M16X60 Class8.8, Carbon steel +<br>Hơi dip galvanized                                                                                                                                                   | Việt Nam                     | Bộ 1050 | 3801 | 0   | Trước tháng 2/2027 |
| 4     | 48536103                                        | Sealing: 22"                         | Spiral-wound gasket NPS 22 Class<br>300, CGI, 4.5 mm; Spiral-wound<br>gasket: NPS 22, Class 300                                                                                                         | Việt Nam                     | Cải 64  | 0    | 64  | Trước tháng 2/2027 |
| III   | Cải tạo buồng xoắn máy nghiền than cho 1 tổ máy |                                      |                                                                                                                                                                                                         |                              |         |      |     |                    |
| III.1 | Vật tư                                          |                                      |                                                                                                                                                                                                         |                              |         |      |     |                    |
| 1     | 53284037                                        | Tấm liner                            | Chi tiết số 2<br>bản vẽ số TB2-SDC.VP101-01HFC-<br>M-M1A-DID-0012                                                                                                                                       | Shang Hai Heavy<br>Machinery | Cải 48  | 0    | 48  | Trước tháng 2/2027 |
| 2     | 53284049                                        | Bolt (Bu lông)                       | Chi tiết số 5.6, 7.8<br>Bản vẽ số TB2-SDC.VP101-01HFC-<br>M-M1A-DID-0012                                                                                                                                | Shang Hai Heavy<br>Machinery | Bộ 48   | 0    | 48  | Trước tháng 2/2027 |
| 3     | 53284050                                        | Bolt (Bu lông)                       | Chi tiết số 9, 8.6, 7<br>bản vẽ số TB2-SDC.VP101-01HFC-<br>M-M1A-DID-0012                                                                                                                               | Shang Hai Heavy<br>Machinery | Bộ 96   | 0    | 96  | Trước tháng 2/2027 |
| 4     | 53004001                                        | Bolt (Bu lông định tâm buồng xoắn)   | TB2-BDSC-00HFC-M-M1A-DTE-000                                                                                                                                                                            | Shang Hai Heavy<br>Machinery | Bộ 48   | 0    | 48  | Trước tháng 2/2027 |
| 5     |                                                 | Tấm ốp bảo vệ Bu lông trực rồng      | Kích thước (270x100x20mm)<br>thép Hardox 500 dày 20mm                                                                                                                                                   | Việt Nam                     | Cải 192 | 0    | 192 | Trước tháng 2/2027 |
| III.2 | Dịch vụ                                         |                                      |                                                                                                                                                                                                         |                              |         |      |     |                    |



Văn bản được tải lên hệ thống eoffice365.pyqyb.vn. Với số định danh: 3387/CV-PTM/2026

|    |          |                                           |                                                                                                |           |     |     |   |     |                    |
|----|----------|-------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----|-----|---|-----|--------------------|
| 2  |          | ET200SP Interface Module                  | 6ES7 155-6AU01-0BN0                                                                            | Siemens   | cái | 2   | 0 | 2   | Trước tháng 2/2027 |
| 3  |          | BusAdapter PROFINET                       | 6ES7193-6AR00-0AA0                                                                             | Siemens   | cái | 2   | 0 | 2   | Trước tháng 2/2027 |
| 4  |          | ET200SP DI                                | 6ES7 131-6BH01-0BA0<br>16x24VDC                                                                | Siemens   | cái | 24  | 0 | 24  | Trước tháng 2/2027 |
| 5  |          | ET200SP DQ                                | 6ES7132-6BH01-0BA0<br>16x24VDC/0.5A                                                            | Siemens   | cái | 8   | 0 | 8   | Trước tháng 2/2027 |
| 6  |          | BaseUnit ET200SP                          | 6ES7193-6BP00-0BA0                                                                             | Siemens   | cái | 28  | 0 | 28  | Trước tháng 2/2027 |
| 7  |          | BaseUnit ET200SP                          | 6ES7193-6BP00-0DDA0                                                                            | Siemens   | cái | 6   | 0 | 6   | Trước tháng 2/2027 |
| 8  | 38310328 | Server Module ET200SP                     | 6ES7193-6PA00-0AA0                                                                             | Siemens   | cái | 2   | 0 | 2   | Trước tháng 2/2027 |
| 9  |          | Nguồn 24VDC                               | 6EP1336-2BA10                                                                                  | Siemens   | bộ  | 2   | 0 | 2   | Trước tháng 2/2027 |
| 10 |          | Cáp PROFINET công nghiệp                  | 6XVI1870-2D                                                                                    | Siemens   | m   | 40  | 0 | 40  | Trước tháng 2/2027 |
| 11 | 38310028 | Dầu RJ45 công nghiệp                      | 6GK1901-1BB10-2AA0                                                                             | Siemens   | cái | 8   | 0 | 8   | Trước tháng 2/2027 |
| 12 |          | Switch công nghiệp PROFINET               | 6GK5005-0BA00-1AB2                                                                             | Siemens   | cái | 2   | 0 | 2   | Trước tháng 2/2027 |
| 13 | 35056017 | Relay trung gian                          | Relay model: RXM4AB2BD<br>14 chân, 24VDC<br>Socket model: RXZE2S114M                           | Schneider | Bộ  | 100 | 0 | 100 | Trước tháng 2/2027 |
| 14 |          | Màn hình HMI Basic KTP 700                | 6AV2123-2GB03-0AX0                                                                             | Siemens   | cái | 2   | 0 | 2   | Trước tháng 2/2027 |
| 15 |          | MCB                                       | 5SL4206-7CC                                                                                    | Siemens   | cái | 2   | 2 | 2   | Trước tháng 2/2027 |
| 16 |          | MCB tổng 4 cực                            | 5SL4410-7CC                                                                                    | Siemens   | cái | 2   | 0 | 2   | Trước tháng 2/2027 |
| 17 |          | MCB tổng 4 cực                            | 5SL4406-7CC                                                                                    | Siemens   | cái | 12  | 0 | 12  | Trước tháng 2/2027 |
| 18 |          | Contactor motor                           | 3RT2016-1BB41                                                                                  | Siemens   | cái | 72  | 5 | 72  | Trước tháng 2/2027 |
| 19 |          | Rơ le điện tử bảo vệ motor (có pre-alarm) | 3RB3113-4PB0                                                                                   | Siemens   | Cái | 72  | 0 | 72  | Trước tháng 2/2027 |
| 20 |          | Khóa cơ khí contactor                     | 3RA2913-3-2AA1                                                                                 | Siemens   | bộ  | 36  | 0 | 36  | Trước tháng 2/2027 |
| 21 |          | MPCB/CB bảo vệ motor                      | 3RV2011-1EA10                                                                                  | Siemens   | cái | 36  | 0 | 36  | Trước tháng 2/2027 |
| 22 | 33450031 | Chuyển mạch Man/Auto                      | YW4S-2E11, INO, INC                                                                            | IDEC      | Bộ  | 12  | 0 | 12  | Trước tháng 2/2027 |
| 23 | 33406074 | Nút nhấn + đèn                            | YW1L-MF2E11Q4G INC-INO                                                                         | IDEC      | Bộ  | 132 | 0 | 132 | Trước tháng 2/2027 |
| 24 | 36696062 | Đèn báo màu đỏ                            | YW1P-1EQ4R                                                                                     | IDEC      | Bộ  | 36  | 0 | 36  | Trước tháng 2/2027 |
| 25 | 36696063 | Đèn báo màu xanh                          | YW1P-1EQ4G                                                                                     | IDEC      | Bộ  | 36  | 0 | 36  | Trước tháng 2/2027 |
| 26 | 36696064 | Đèn báo màu vàng                          | YW1P-1EQ4Y                                                                                     | IDEC      | Bộ  | 12  | 0 | 12  | Trước tháng 2/2027 |
| 27 |          | Tủ điện                                   | Tủ inox 800×1000×300x1.0 mm +<br>Panel<br>Tủ 2 lớp cánh<br>Vật liệu: Inox<br>Có gioăng làm kín | Việt Nam  | Bộ  | 2   | 0 | 2   | Trước tháng 2/2027 |
| 28 |          | Tấm panel lắp đặt thiết bị                | Panel inox 630 x 430 mmx1.0mm<br>Vật liệu:Inox 304                                             | Việt Nam  | Cái | 6   | 0 | 6   | Trước tháng 2/2027 |
| 29 |          | Tủ điện                                   | HxWxD: 700x500x350 (mm)<br>Panel: 630x430x1.0 (mm)<br>Vật liệu: Inox 304                       | Việt Nam  | Bộ  | 6   | 0 | 6   | Trước tháng 2/2027 |
| 30 | 31542401 | Dây điện                                  | Dây điện 1 lõi 1x4mm <sup>2</sup> -300V, 500V<br>(Bỏ)<br>Lõi Đồng                              | Việt Nam  | Mét | 400 | 0 | 400 | Trước tháng 2/2027 |



|    |          |                                          |                                                              |                |       |      |      |     |                    |
|----|----------|------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------|-------|------|------|-----|--------------------|
| 31 |          | Dây điện                                 | Dây điện 1 lõi 1x4mm <sup>2</sup> -300V, 500V (Ben) Lõi Đồng | Việt Nam       | Mét   | 200  | 0    | 200 | Trước tháng 2/2027 |
| 32 |          | Dây điện                                 | Dây điện 1x0.75, dây đỏ Cuộn 100m/cuộn                       | Việt Nam       | Cuộn  | 12   | 0    | 12  | Trước tháng 2/2027 |
| 33 | 31542008 | Dây điện                                 | Dây điện 1x0.75, dây đen Cuộn 100m/cuộn                      | Việt Nam       | Cuộn  | 4    | 0    | 4   | Trước tháng 2/2027 |
| 34 | 31558010 | Cáp tín hiệu                             | Cu/XLPE/LSZH(GSWA)-Fr 20Cx1.5SQMM                            | Việt Nam       | Mét   | 1972 | 1972 | 0   | Trước tháng 2/2027 |
| 35 | 31544001 | Dây điện                                 | Cáp tín hiệu 2Cx2.5mm <sup>2</sup>                           | Việt Nam       | Mét   | 60   | 60   | 0   | Trước tháng 2/2027 |
| 36 |          | Thanh Din                                | DIN Rail 35mm                                                | Việt Nam/China | Thanh | 30   | 0    | 30  | Trước tháng 2/2027 |
| 37 |          | Máng nhựa đi dây tủ điện                 | Kích thước (Cao x Rộng x Dài): 45x45x2000 mm                 | Việt Nam/China | Cây   | 40   | 0    | 40  | Trước tháng 2/2027 |
| 38 |          | Dầu Cos Kim Rỗng 1mm <sup>2</sup>        | Dầu Cos Kim Rỗng 1mm <sup>2</sup> (màu đỏ) 1000 pcs/gói      | Việt Nam/China | gói   | 8    | 0    | 8   | Trước tháng 2/2027 |
| 39 |          | Dầu Cos Kim Rỗng 1mm <sup>2</sup>        | Dầu Cos Kim Rỗng 1mm <sup>2</sup> (màu xanh) 1000 pcs/gói    | Việt Nam/China | gói   | 4    | 0    | 4   | Trước tháng 2/2027 |
| 40 |          | Dầu Cos Kim Rỗng 6mm <sup>2</sup>        | Dầu Cos Kim Rỗng 6mm <sup>2</sup> (màu Đỏ) 500 pcs/gói       | Việt Nam/China | gói   | 2    | 0    | 2   | Trước tháng 2/2027 |
| 41 |          | Dầu Cos Kim Rỗng 6mm <sup>2</sup>        | Dầu Cos Kim Rỗng 6mm <sup>2</sup> (màu xanh) 500 pcs/gói     | Việt Nam/China | gói   | 2    | 0    | 2   | Trước tháng 2/2027 |
| 42 |          | Dầu Cos Kim Rỗng 4mm <sup>3</sup>        | Dầu Cos Kim Rỗng 4mm <sup>2</sup> (màu Đỏ) 1000 pcs/gói      | Việt Nam/China | gói   | 2    | 0    | 2   | Trước tháng 2/2027 |
| 43 |          | Dầu Cos Kim Rỗng 4mm <sup>3</sup>        | Dầu Cos Kim Rỗng 4mm <sup>2</sup> (màu Xanh) 1000 pcs/gói    | Việt Nam/China | gói   | 2    | 0    | 2   | Trước tháng 2/2027 |
| 44 |          | Vít tự khoan bằng                        | Dường kính: M3.5x 13mm 1000 pcs/gói                          | Việt Nam/China | gói   | 2    | 0    | 2   | Trước tháng 2/2027 |
| 45 | 41843020 | Cầu đầu tín hiệu                         | WDU1.5/ZZ                                                    | Weidmüller     | Cái   | 4000 | 4000 | 0   | Trước tháng 2/2027 |
| 46 |          | Cầu đầu điện lực                         | Weidmüller WDU 6                                             | Weidmüller     | Cái   | 450  | 0    | 450 | Trước tháng 2/2027 |
| 47 |          | Thanh cắm nối cầu đầu tín hiệu (jumper)  | WQV 2.5/32                                                   | Weidmüller     | thanh | 120  | 0    | 120 | Trước tháng 2/2027 |
| 48 |          | Thanh cắm nối cầu đầu điện lực (jumper)  | WQV 6/10                                                     | Weidmüller     | thanh | 60   | 0    | 60  | Trước tháng 2/2027 |
| 49 |          | Chặn đầu cuối cầu đầu (end bracket)      | WEW 35/2                                                     | Weidmüller     | cái   | 200  | 0    | 200 | Trước tháng 2/2027 |
| 50 |          | Nắp chặn cuối cầu đầu tín hiệu           | WAP 2.5-10                                                   | Weidmüller     | cái   | 100  | 0    | 100 | Trước tháng 2/2027 |
| 51 |          | Nắp chặn cuối cầu đầu điện lực           | WAP 6                                                        | Weidmüller     | cái   | 100  | 0    | 100 | Trước tháng 2/2027 |
| 52 |          | Thanh cắm 3 pha cho MPCB (busbar)        | 3RY1915-1BB                                                  | Siemens        | Cái   | 12   | 0    | 12  | Trước tháng 2/2027 |
| 53 |          | Cầu đầu tiếp địa (PE) 2.5mm <sup>2</sup> | WPE 2.5                                                      | Weidmüller     | cái   | 100  | 0    | 100 | Trước tháng 2/2027 |
| 54 |          | Cầu đầu tiếp địa (PE) 6mm <sup>2</sup>   | WPE 6                                                        | Weidmüller     | cái   | 120  | 0    | 120 | Trước tháng 2/2027 |

